

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2020/HS-ST
Ngày: 09/3/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thảo;

2. Bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03A/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Quốc T; tên gọi khác (T nhỏ), sinh ngày 14/8/1988 tại Đ, Gia Lai; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn TH, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; cha: Không xác định; mẹ bà Trần Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: 03 tiền án: Ngày 20/11/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử phạt 36 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”. Ngày 25/4/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Ngày 29/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Gia Lai xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/12/2006 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục trong thời gian 24 tháng về hành vi “Đánh người”, “Gây rối trật tự công cộng” và “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 23/4/2019 đến ngày 26/4/2019 chuyển tạm giam cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Trần Văn M, sinh năm 1988; trú tại: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

2. Lê Văn Tr, sinh năm 1995; trú tại: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

- *Người làm chứng*: Đặng Thị Thiên L; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào năm 2014 và năm 2016, Trần Quốc T chấp hành án tại Phân trại số 01, Trại giam X có quen biết với phạm nhân tên C, sinh năm 1986, ở G, tỉnh Bình Định. Sau khi chấp hành án xong T và C về lại địa phương sinh sống. Vào khoảng 16 giờ ngày 22/4/2019, C điện thoại cho T vào số điện thoại 0357680943 để nói chuyện. Trong quá trình nói chuyện T hỏi C “đạo này còn ăn trộm không?”, C nói: “Nghề của tao mà”. Nghe vậy, T nói “Có rảnh thì lên đây làm” (tức là đi trộm cắp tài sản) thì C đồng ý. Đến 02 giờ 00 phút ngày 23/4/2019, C tiếp tục điện thoại cho T hẹn gặp ở đầu Cầu S thuộc địa phận thị xã A, tỉnh Gia Lai. Sau khi nghe điện thoại, T đi bộ từ nhà ở thôn TH, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai đến khu vực Chợ Đ ở Tổ B, phường A, thị xã A lấy một chiếc xe đạp màu nhũ, không có người trông coi làm phương tiện đi gặp C. Sau khi gặp T, C đột nhập vào nhà anh Trần Văn M lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 và nhà anh Lê Văn Tr 01 điện thoại di động hiệu OPPO A7 để đưa cho T giữ. T đã đưa cho C với số tiền 550.000đ rồi T mang xe đạp về để lại vị trí mà T đã lấy trước đó và cầm 02 chiếc điện thoại đi bộ về nhà cất giấu. Sáng hôm sau phát hiện mất tài sản, anh Lê Văn Tr, anh Trần Văn M làm đơn trình báo đến Công an thị xã A, anh Tr đã mở định vị của máy thì phát hiện điện thoại của anh Tr đang hoạt động tại khu vực nhà Trần Quốc T. Đến 09 giờ 00 phút ngày 23/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã tạm giữ 02 điện thoại của anh Tr và anh M bị mất trong túi áo của Trần Quốc T.

Vật chứng tạm giữ trong túi áo của Trần Quốc T gồm: 01 điện thoại OPPO A7 số IMEI 864267040516833; 864267040516825; 01 điện thoại di động Iphone 6 số IMEI 359296064004121 của anh Lê Văn Tr và anh Trần Văn M bị mất; Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã trả cho anh Lê Văn Tr và anh Trần Văn M; 01 điện thoại di động Iphone 6 plus IMEI 35430064637967, kèm thẻ sim số 0357680943 mặt sau có chữ số 89840-48000-01034-3921 của bị cáo Trần Quốc T, chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A bảo quản. Theo kết luận định giá tài sản số 34/KLĐGTS ngày 24/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã A xác định: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, giá trị còn lại 60% trị giá 2.574.000 đồng; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 giá trị còn lại là 30%; trị giá 1.946.400đ, tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 4.520.400 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 44A/CT-VKS ngày 21/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Trần Quốc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Quốc T khai nhận như sau: Trước đây khoảng năm 2014, khi chấp hành hình phạt tù ở Trại giam X, tỉnh Phú Yên, bị cáo T có quen người bạn tên C, sinh năm 1986 quê ở tỉnh Bình Định (Không biết họ, tên, địa chỉ cụ thể) cũng chấp hành án. Sau khi chấp hành xong C và T đều về lại địa phương sinh sống và có gọi điện thoại với nhau về việc trộm cắp tài sản. Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 22/4/2019 C điện thoại nói chuyện và T có hỏi C “Đạo này mày còn trộm không” thì C đáp lại “Nghề của tao mà”, T nói với C “Có rảnh thì lên đây làm”, tức là lên khu vực thị xã A để trộm cắp, C đáp lại “Khi nào lên sẽ liên lạc”. Đến khoảng 02 giờ 00 phút ngày 23/4/2019, C tiếp tục điện thoại cho T hẹn gặp ở đầu cầu S thuộc địa phận thị xã A, tỉnh Gia Lai để cùng đi trộm cắp tài ở địa bàn thị xã A thì Trần Quốc T đồng ý. T một mình đến điểm hẹn để gặp C. Sau đó, C đã lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A7 của anh Lê Văn Tr và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 của anh Trần Văn M đều ở khu vực thuộc Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Sau khi trộm được 02 chiếc điện thoại trên C đưa cho Trần Quốc T giữ và nói T đưa cho C số tiền 1.600.000đ thì lấy 02 chiếc điện thoại đó. T chỉ đưa cho C 450.000đ thì C nói với T “Đi xa mà từ Bình Định lên đây” nên T đưa thêm cho C 100.000đ nữa, tổng cộng T đưa cho C 550.000đ và cầm 02 chiếc điện thoại C trộm được về nhà tại xã T, huyện Đ cất giấu trong túi áo của T và nằm ngủ. Đến 09 giờ sáng ngày 23/4/2019 thì bị cáo Trần Quốc T bị Công an thị xã A tạm giữ và thu giữ 02 chiếc điện thoại nói trên trong túi áo trên người bị cáo. Còn C đi về Bình Định và không có liên lạc với bị cáo nữa, bị cáo không biết họ, tên, địa chỉ chính xác C ở đâu mà chỉ quen nhau tại giam X khi cả hai đều chấp hành hình phạt tù. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là đồng phạm giúp sức cho C trộm cắp tài sản.

Lời khai của bị hại anh Lê Văn Tr tại phiên tòa: Anh Tr làm nghề hớt tóc tại nhà ở Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vào tối ngày 22 rạng sáng ngày 23/4/2019 anh Tr có ngủ ở phòng khách và có để điện thoại di động OPPO A7 trên tấm nệm ở phòng khách nhà anh. Đến sáng dậy thì phát hiện cửa nhà anh bị mở và mất chiếc điện thoại nói trên. Sau đó, anh có nhờ người yêu của anh là Đặng Thị Thiên L gọi dò định vị xem điện thoại của anh bị mất đang ở đâu, thì phát hiện điện thoại đang hoạt động ở khu vực gần nhà Trần Quốc T nên anh đã làm đơn báo Công an thị xã A. Đến khoảng 09 giờ 00 cùng ngày Công an thị xã A cùng Công an xã T, huyện Đ đã thu hồi chiếc điện thoại của anh trong người bị cáo Trần Quốc T. Anh Tr đã nhận lại chiếc điện thoại của anh bị mất vào tối ngày 22 rạng sáng ngày 23/4/2019 và không bị hư hỏng gì nên anh không yêu cầu gì về dân sự.

Lời khai của bị hại anh Trần Văn M tại phiên tòa: Anh M bán quán ăn tại nhà thuộc Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vào tối ngày 22 rạng sáng ngày 23/4/2019 anh M có ngủ ở phòng bếp của nhà quán và có để điện thoại di động hiệu Iphone 6 bên cạnh anh. Đến sáng dậy thì phát hiện cửa chính của quán ăn bị mở và khép hờ. Anh kiểm tra thì phát hiện mất 01 chiếc điện thoại nói trên nên làm đơn báo Công an thị xã A. Đến khoảng 09 giờ 00 cùng ngày Công an thị xã A cùng Công an xã T, huyện Đ đã thu hồi chiếc điện thoại của

anh trong người bị cáo Trần Quốc T. Anh My đã nhận lại chiếc điện thoại của anh bị mất vào tối ngày 22 rạng sáng ngày 23/4/2019 và không bị hư hỏng gì nên anh không yêu cầu gì về dân sự.

Lời khai của chị Đặng Thị Thiên L trong hồ sơ: Chị L là người yêu của anh Tr, khoảng 06 giờ ngày 23/4/2019 anh Tr gọi cho chị nói bị kẻ gian vào nhà lấy trộm điện thoại và nhờ chị L gọi điện thoại qua tài khoản “Facbook” để định vị xem điện thoại ở đâu. Khi gọi thì có người đàn ông nghe máy, chị L mở định vị thì biết được điện thoại của anh Tr đang được mở thuộc địa phận xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên báo lại với anh Tr biết. Ngoài ra chị L không biết gì thêm.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Trần Quốc T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Về vật chứng, các vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã trả cho các bị hại đúng thẩm quyền nên không đề cập. Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 plus IMEI 354390064637967, bị cáo đã sử dụng liên lạc với C để thực hiện hành vi phạm tội, là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đối với 01 thẻ sim có số thuê bao tại thời điểm bị thu giữ là 0357680943 mặt sau có chữ số 89840-48000-01034-3921, là phương tiện phạm tội và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Về trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong nên không đề cập. Về án phí bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận lời khai của bị cáo là trung thực và thừa nhận hành vi của bị cáo là phạm tội trộm cắp tài sản với vai trò giúp sức cho C. Bị cáo biết hành vi đó là sai trái và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về phụ giúp gia đình. Xét thấy, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại cũng như vật chứng thu được có trong hồ sơ vụ án. Tuy bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Tr và anh M, tuy nhiên khi nghe bạn của bị cáo là đối tượng tên C điện thoại rủ đi trộm cắp thì bị cáo đã đồng ý và một mình đi từ nhà ở Đ đến A để gặp C vào thời gian khoảng 02 giờ 00 phút ngày 23/4/2019 tại đầu cầu S thuộc địa phận Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Khi C vào nhà anh Tr, anh M trộm cắp tài sản thì bị cáo đợi ở ngoài để C trộm được tài sản gì thì bị cáo giữ. Sau khi C lấy được 02 điện thoại thì bị cáo Trần Quốc T đã giữ 02 điện thoại đó và đưa tiền cho C để được sở hữu 02 chiếc điện thoại do C trộm cắp. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Quốc T thể hiện cùng ý chí thực hiện một tội phạm là trộm cắp tài sản với đối tượng tên C nên hành vi của bị cáo Trần Quốc T cũng phải chịu

trách nhiệm hình sự cùng với hành vi của đối tượng tên C là “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 4.520.400đ. Bị cáo đã “Tái phạm”, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự định khung theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi của bị cáo là phạm tội trộm cắp tài sản và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu 03 lần phạm tội, bị Tòa án xét xử, phạt tù và 01 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục.

[6] Về hình phạt: Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện cùng với đối tượng C. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhiều lần vi phạm pháp luật đã bị xử lý nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực phạm tội. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, áp dụng hình phạt tù để răn đe, giáo dục cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Trong vụ án này còn có đối tượng tên “C” thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 02 chiếc điện thoại di động của anh Trần Văn M và anh Lê Văn Tr vào thời gian khoảng 02 giờ 00 phút ngày 23/4/2019. Qua điều tra chưa xác định chính xác tên, địa chỉ của đối tượng tên C như khai của bị cáo nên chưa có cơ sở xử lý. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã A phải tiếp tục điều tra, xác định đối tượng tên “C” như lời khai của bị cáo T và xử lý theo quy định.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 plus của bị cáo đã sử dụng liên lạc với C để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đối với 01 thẻ sim số thuê bao tại thời điểm thu giữ là 0357680943 là phương tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T, phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

2. Xử phạt bị cáo Trần Quốc T 03 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 23/4/2019.

3. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ sim có số thuê bao tại thời điểm bị thu giữ là 0357680943 mặt sau có chữ số 89840-48000-01034-3921

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 6 plus, số IMEL 354390064637967 (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã A và Chi cục Thi hành án thị xã A ngày 09/10/2019).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Quốc T phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/3/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trung Toàn